

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2023

V/v “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thanh Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Tuyết

2. Bà Nông Thị Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị B; Sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn N, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Trương Phúc S; Sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn N, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà chung sống với ông Trương Phúc S từ năm 1990, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông S thường xuyên đánh đập, chửi bới, đuổi bà ra khỏi nhà. Sự việc đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả, bà B đã tự xây nhà và cùng các con sinh sống ngay gần đó, hai vợ chồng ông bà sống ly thân từ tháng 10 năm 2012 đến nay. Hiện tại, bà B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà Hoàng Thị B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Minh T (Trương Ngọc Tú), sinh ngày 06/9/1992 và cháu Trương Minh A, sinh ngày 01/9/2008. Cháu Trương Minh T 30 tuổi và cháu Trương Minh A 14 tuổi hiện đang sống với bà tại Tổ dân phố 04, thị trấn N, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ân cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Phúc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S khai về quan hệ hôn nhân như bà B trình bày, ông không có ý kiến gì thêm. Từ năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông có đánh bà mấy lần nhưng do bà B cố ý gây sự trước, bà B tự ý rời khỏi nhà của hai vợ chồng để dựng nhà và chung sống cùng các con ở gần đó. Ngoài ra, ông cho rằng bà B có mối quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Nay bà B yêu cầu được ly hôn với ông, ông nhất trí.

Về con chung: Ông S xác nhận hai vợ chồng có 02 con chung như bà B trình bày và nhất trí về việc nuôi con chung như ý kiến của bà B, không có ý kiến gì thêm.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2022, cháu Trương Minh A trình bày: cháu là con chung của bố Trương Phúc S và mẹ Hoàng Thị B, hiện nay cháu đang sinh sống với mẹ tại Tổ dân phố 4, thị trấn N, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho HĐXX.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hoàng Thị B và ông Trương Phúc S cùng xác nhận ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức cưới hỏi và không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Mặc dù hôn nhân của bà B và ông S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có thời gian chung sống thực tế lâu dài từ năm 1990 cho đến năm 2015 và có hai con chung đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Như vậy, hôn nhân giữa ông Trương Phúc S và bà Hoàng Thị B không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX nhận thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà B.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà B và ông S có 02 con chung là Trương Minh T (Trương Ngọc T), sinh ngày 06/9/1992 và cháu Trương Minh A, sinh ngày 01/9/2008. Hiện nay hai cháu đang ở với bà B và cũng có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/12/2022, ông S và bà B cùng thông nhất cháu Trương Minh T đã trên 18 tuổi nên ông bà không yêu cầu gì đối với cháu Tú, còn cháu Trương Minh A thì ông S và bà B thống nhất cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu An cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân và con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của ông S và bà B là hoàn toàn tự

nguyên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Hoàng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trương Phúc S, sinh năm sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1967 (cùng trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn N, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà Hoàng Thị B và ông Trương Phúc S về nuôi con chung như sau: Bà Hoàng Thị B được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Minh A, sinh ngày 01/9/2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trương Phúc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trương Phúc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Trương Minh T (Trương Ngọc Tú), sinh ngày 06/9/1992 đã thành niên, ông S và bà B không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001837 ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà B đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Chuyên